TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-PT
Ngày: 13 - 02 - 2025
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Bà Bùi Thị Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 903/2024/TLPT- DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8194/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Ngọc Đ (còn gọi: Châu Thị Đ1, chết năm 2023).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đ1:

1. Ông Lý Chí H, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Lý Như H1, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Đồng Tâm A, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà H1: Ông Lý Chí H, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Ngô Đình C – Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lý Văn P, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Lý Văn K, sinh năm 1973 (vắng mặt).

3. Ông Lý Chí L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị D, sinh năm 1981 (vắng mặt)

2. Bà Lý Diễm M, sinh năm 2001 (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

4. Ông Lý Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

5. Bà Bùi Thị Kha L2, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà L1, ông T, bà L2: Ông Lý Chí L, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Lê Thị L3 (vắng mặt).

7. Ông Lý Văn T1, sinh năm 1996 (vắng mặt).

8. Bà Lý Mai A, sinh năm 2000 (vắng mặt).

9. Bà Trương Mộng N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

10. Bà Lý Thị T2 (còn gọi: Lý Kim H2), sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

11. Bà Lý Thị T3, 64 tuổi (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

12. Bà Lý Thị D1, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà D1: Ông Lý Văn P, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

13. Ông Ngô Văn N1, sinh năm 1937 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

14. Bà Châu Thị T4, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

15. Ông Hồ Chí L4, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Đia chỉ cư trú: Khóm E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

16. Ông Trần Hoài T5 (vắng mặt).

17. Bà Hồ Thị N2, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

18. Ông Lâm Hoàng P1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

19. Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) đầu tư V.

Người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng: Ông Tô Chí C1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: L, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

20. Bà Trần Kim H3 (Trần Thị H4) (vắng mặt)

21. Bà Lý Thị M1, sinh năm 1964 (vắng mặt)

22. Bà Lý Thị G (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

23. Ông Lý Văn S, sinh năm 1976 (vắng mặt)

24. Bà Lý Thị N3, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

25. Ông Lý Văn M2, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

26. Bà Lý Thị Y (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

27. Bà Lý Thị N4, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

28. Bà Lý Kim E, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

29. Bà Lý Thị B, sinh năm 1962 (vắng mặt)

30. Bà Lý Thị B1, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bà B và bà B1: Ông Trần Hưng A1, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Số I, ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

31. Bà Ngô Kiều N5, sinh năm 1988 (vắng mặt).

32. Bà Lư Thị B2 (vắng mặt)

33. Ông Lâm Thanh P2, sinh năm 1962 (vắng mặt).

34. Ông Châu Hồng T6 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

35. Bà Hoàng Thúy O, sinh năm 1988 (vắng mặt)

36. Ông Hoàng T7, sinh năm 1958 (vắng mặt)

37. Ông Hoàng Quốc Q, sinh năm 1983 (vắng mặt)

38. Bà Hoàng Thúy H5, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

39. Bà Hoàng Thúy D2, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

40. Bà Nguyễn Thị H6 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H6: Bà Phan Thị Thu H7 (con), sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số I, tổ A, khóm S, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang.

41. Ủy ban nhân dân huyện Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Lý Chí H, bị đơn ông Lý Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Diễm .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Châu Ngọc Đ và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Lý Chí H trình bày:

Phần đất của bà Đ có nguồn gốc của cụ Lý Văn B3 (chết năm 1980) và cụ Nguyễn Thị T8 (chết năm 2008). Năm 1989, bà Đ về chung sống với ông Lý Văn K1. Đến năm 1994, ông K1 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 35.450m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ. Bà Đ với ông K1 không có đăng ký kết hôn, nhưng có tuyên bố đám theo phong tục tập quán. Thời điểm này cụ T8 không còn trực tiếp sản xuất đất mà vợ chồng bà Đ trực tiếp quản lý, sử dụng để nuôi cụ T8 và con riêng của ông K1 (gồm bà Lý Thị D1 và ông Lý Văn P); con riêng của bà Đ là bà Lý Như H1; con chung của bà Đ với ông K1 là ông Lý Chí H. Đến năm 2001, ông P lập gia đình, bà Đ cho ông P 5 công đất và ông P đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 6.426m^2. Phần đất còn lại, bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 27.230m². Bà Đ sử dụng đất đến năm 2006, bà Đ bị bắt và tạm giam tại Công an huyện Đ. Phần đất này Công an huyện tạm giao cho Lê Hoàng D3 (con rể) và bà H1 sử dụng. Đến ngày 19/02/2007, giữa ông D3, bà H1 với ông P, bà D1 có hợp đồng cho ông P, bà D1 thuê lại toàn bộ diện tích đất này sản xuất mỗi tháng ông P, bà D1 trả cho ông D3, bà H1 là 700.000 đồng đến khi nào bà được trả tự do sẽ giao lại phần đất cho bà quản lý, sử dụng. Đến ngày 09/10/2007, bà Đ được trả tự do và yêu cầu P trả lại đất nhưng ông P nói rằng đất của cụ T8 nên không đồng ý trả và xảy ra tranh chấp cho đến nay.

Trước đó, năm 2000 toàn bộ phần đất do ông K1 đứng tên quyền sử dụng, ông K1 có cầm cố cho ông Nguyễn Thanh H8 với giá 70 chỉ vàng 24k, ông H8 cho vợ chồng bà mướn lại 200 giạ lúa/01 năm. Cũng trong năm 2000, ông K1 cầm cố phần đất trên cho ông Lâm Hoàng P1 giá 40 chỉ vàng 24k, phần đất cố

cho ông P1 bà không biết. Đến tháng 9 năm 2000, ông K1 chết do bị tai nạn giao T9, ông P1 đem giấy cố cho bà xem thì bà mới biết. Sau khi ông K1 chết, bà trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này nuôi cụ T8 và 04 người con.

Trong đó, các khoản nợ của ông K1 tự vay gồm: Nợ của ông Lâm Thanh P3 04 cây lượngvà 18.000.000 đồng (khoản nợ này Tòa án đã giải quyết và đã có bản án, đã thi hành được 1,1 lượng vàng 24k); nợ ông T10 02 lượng vàng 24k; nợ ông H8 08 lượng vàng 24k; nợ ông Lâm Thanh B4 02 lượng vàng 24k; nợ ông D4 02 lượng vàng 24k (khoản nợ này thi hành được 1,5 lượng). Các khoản nợ trên Tòa án đã xét xử xong.

Ngoài ra, còn có các khoản nợ chung của bà với ông K1 gồm: Nợ ông Lâm Văn K2 02 lượng 24k, chưa trả; nợ ông Lâm Thanh P2 2,8 lượng vàng 24k, đã trả xong; nợ ông Ngô Văn N1 2,7 lượng vàng 24k, đã trả 07 chỉ; nợ ông Châu Hồng T6 10 chỉ vàng 24k, đã trả xong; nợ ông Hồ Chí L4 và bà Châu Thị T4 27 chỉ vàng 24k, 100 giạ lúa, chưa trả; nợ Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh tỉnh C 33.000.000 đồng, bao gồm khoản vay 27.000.000 đồng (để trả khoản vay 27.000.000 đồng vay của Ngân hàng N7 để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về) và khoản vay 6.000.000 đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông P (bà Đ đồng ý tự trả khoản nợ 6.000.000 đồng).

Nay bà Đ, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đ khởi kiện yêu cầu như sau:

Yêu cầu ông L trả phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 2.520,8m² và ông K trả phần đất diện tích 2.606,4m².

Bà yêu cầu ông P di dời 01 căn nhà cất lấn qua phần đất của bà.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P và bà D1 thì bà Đ không đồng ý. Do bà không đồng ý nên bà không yêu cầu những người được hưởng di sản thừa kế phải trả các khoản nợ này. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế thì bà yêu cầu những người được hưởng di sản thừa kế phải có nghĩa vụ trả nợ tương ứng phần được hưởng di sản thừa kế.

Bà Đ cũng cho rằng: Phần trình bày của ông P và bà D1 là không đúng. Bà không đồng ý di chúc của cụ T8. Bởi vì, khi lập di chúc cụ T8 không còn minh mẫn, đất của ông K1 chết để lại cho bà, bà sử dụng đến khi bị bắt bà để lại cho bà H1, ông D3 quản lý, ông P lấy luôn. Đất này bà có quyền sử dụng vào năm 2001. Trước đây, phần đất này do ông K1 đứng tên quyền sử dụng, sau khi ông K1 chết, bà làm quyền sử dụng do bà đứng tên. Việc cắt 05 công đất cho ông P là do bà cắt, không phải cụ T8 cắt, các giấy tờ cắt đất này vẫn còn.

Bị đơn ông Lý Văn P trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ B3 và cụ T8 (ông bà nội ông), phần đất do cụ B3 đứng tên quyền sử dụng đất. Khi cụ B3 chết, ông K1 (cha ruột của ông) đứng tên quyền sử dụng đất. Mặc dù ông K1 đứng tên nhưng quyền định đoạt là của cụ T8.

Bà Đ về sống chung với ông K1 thời gian nào ông không nhớ. Khi ông K1 chết, bà Đ vẫn ở và sản xuất trên phần đất này, ngoài bà Đ thì khi đó còn có

cụ T8, Bà D1, Bà H1, ông H và ông P cùng sống chung. Quyền sử dụng đất do bà Đ quản lý, khi bà Đ chuyển tên quyền sử dụng đất từ ông K1 sang bà Đ gia đình ông không hay biết.

Vào khoảng năm 2001, cụ T8 cắt chia cho ông P 05 công đất tạm sử dụng, nhưng chưa chuyển tên và tách quyền sử dụng. Phần đất còn lại bà Đ quản lý sử dụng đất cho đến khi bị bắt để nuôi cụ T8 và các con. Khi bà Đ bị bắt, phần đất giao lại cho bà H1 và ông D3 sản xuất. Lúc này thân tộc họp lại và giao phần đất cho ông P quản lý, chứ không phải cho mướn như bà Đ trình bày. Mỗi tháng ông P có trách nhiệm trả cho bà Đ và ông H 400.000 đồng, bà T8 300.000 đồng. Thân tộc họp giao đất cho ông P có cụ T8, bà Lý Thị T3, bà Lý Thị T2, bà Lý Thị Y và ông Lý Văn K3. Khi giao đất cho ông quản lý thì H1 và D3 đồng ý. Sau khi bà Đ được trả tự do, bà có yêu cầu ông P trả lại đất, nhưng ông P không đồng ý, vì đất này là của cụ B3 và cụ T8. Nay ông không đồng ý với yêu cầu của bà Đ. Đối với các vật như đục, lú thì khi giao đất cho ông P, bà H1 và ông D3 không có giao đục, lú gì. Riêng đồng hồ khi bà Đ cầm cây đánh ông, các cô có gở tay của bà Đ ra để lấy cây, chứ không có dành giật lú và mất đồng hồ. Ông P cho rằng, thiếc và cây dầu ông không có lấy, cây xoài tự chết, bạch đàn ông có đốn 01 cây gần nhà vì sợ bị sập.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ T8, ông P trình bày: Nguyên cha mẹ ông là ông K1 và bà Nguyễn Thị H6 chính thức kết hôn và được gia đình hai bên chấp thuận. Trong quá trình chung sống có được 02 người con là ông và bà Lý Thị Diễm . Ông bà nội ông P là cụ B3 và cụ T8 sống chung với cha mẹ của ông. Cụ B3 và cụ T8 có phần đất diện tích 35.450m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ.

Sau khi cụ B3 qua đời, cụ T8 quản lý sử dụng phần đất. Nhưng vào năm 1994, khi đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ T8 để cho cha ông là ông K1 đại diện đứng tên dùm khi cụ T8 đã lớn tuổi. Dù trong thời gian chung sống với mẹ ông, cha ông đã có quan hệ bất chính với bà Đ. Kể từ thời gian có quan hệ với bà Đ, cha ông thường xuyên vắng nhà và tỏ ra lạnh nhạt với mẹ ông, không quan tâm đến các con, cứ liên tục tìm chuyện chửi mắng, ngược đãi mẹ ông. Dù cho mẹ ông cố tình Bàu đựng, nhẫn nhịn nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không đạt hiệu quả. Cụ T8 khuyên ngăn nhưng cha ông vẫn không thay đổi. Gia đình lâm vào rối ren, mất hạnh phúc, mẹ ông phải sống chuỗi ngày dài đau khổ, Bà em của ông mất đi sự quan tâm, chăm sóc của cha. Năm 2000, mẹ ông P ra đi, ly thân cùng cha ông, Ông em của ông P ở lại cùng với cụ T8. Ngay sau khi mẹ ông P ra đi, cha ông P đưa bà Đ về sống chung như vợ chồng, bất chấp sự khuyên ngăn của cụ T8. Trong năm 2000, cha ông bị tai nạn giao T9 qua đời. Phần đất trên do cụ T8 quản lý. Nhưng bà Đ lấy danh nghĩa là vợ của ông K1 đã làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất cho bà Đ đứng tên với diện tích 27.230m² trong tổng diện tích nói trên và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp đất vào ngày 17/10/2001. Lúc đó, cụ T8 và Ông em của ông không hề hay biết.

Ngày 25/10/2006, cụ T8 nhờ ông Nguyễn Thành K4 viết tờ di chúc với nội dung phân chia phần đất trên. Trong tờ di chúc cụ T8 có nói rõ *"Vì trước đây, vợ chồng tôi có đất là 35.450m², con tôi là Lý Văn K1 đứng tên quyền sử dụng đất năm 1994. Nay tôi không thể sống với dâu tôi là Châu Ngọc Đ được nữa, nên tôi phân chia số đất này để cháu nội tôi là Lý Văn P, Lý Thị D1 (là con trước của Lý Văn K1) để các cháu tôi có đất nuôi dưỡng tôi từ nay cho đến khi tôi qua đời"*. Và cụ T8 đã phân chia đất trên thành 04 phần bằng nhau, mỗi phần có diện tích 8.625m², trong đó 01 phần của cụ T8, ông, bà D1 và Lý Văn B5 (Lý Chí H) là con sau của ông K1 với bà Đ, mỗi người 01 phần.

Kể từ thời gian ấy, cụ T8 sống cùng anh em của ông. Anh em của ông lo lắng, chăm sóc, phụng dưỡng cụ T8. Phần đất của nội ông 8.625m² đã sang cho người khác 5.000m², phần còn lại là 3.625m². Nhưng bà Đ đã chiếm hết để sử dụng, bà cho rằng đất do chồng bà đứng tên, đã qua đời thì bà là người thừa kế hợp pháp. Năm 2008, cụ T8 qua đời.

Bà Đ sống với cha ông hoàn toàn không hợp pháp, chỉ trên danh nghĩa sống như vợ chồng, không được cụ T8 chấp nhận, và bà đã ngược đãi cụ T8 sau khi cha ông qua đời. Bà Đ không có tư cách thừa kế với tài sản, nhất là tài sản của cụ T8, cha ông chỉ là người đứng tên dùm. Có chăng là Lý Văn B5 (L) chỉ được hưởng thừa kế, bởi vì H cũng là con của cha ông. Do đó, cụ T8 khi làm di chúc đã chia diện tích đất trên thành 04 kỷ phần, cho H được hưởng 01 kỷ phần là sự thể hiện đúng đắn hợp đạo lý.

Riêng với mẹ ông, dù không còn chung sống với cha ông, đã ly thân, nhưng trên quan hệ pháp luật thì cha mẹ ông vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, đúng ra mẹ ông được hưởng 01 phần, vì đã có đóng góp, duy trì khối tài sản gia đình trong thời gian chung sống với cha ông.

Nay ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông và bà Đ và yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ T8 để lại. Đồng thời, xác định lại các khoản nợ mà bà Đ khai vì ông không biết các khoản nợ này. Nếu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế thì ông không đồng ý trả các khoản nợ.

Bị đơn ông Lý Văn K và ông Lý Chí L thống nhất trình bày:

Trước đây, cụ T8 có sang cho hai ông 05 công đất (vị trí, tứ cận như bà Đ trình bày là đúng), với giá mỗi công tầm nhỏ là 12,5 chỉ vàng 24k, tổng cộng 62 chỉ vàng 24k, khi sang có làm giấy tay, không có chứng nhận của ấp, xã, ông K và ông L mỗi người ½, hiện nay phần đất sang chưa chuyển tên quyền sử dụng. Cụ T8 là người sang, khi sang nhượng bà T3, bà T2 là người nhận vàng để xây nhà mồ. Hiện nay thì ông có xây cất nhà trên phần đất.

Khi sang đất, hai ông vẫn biết phần đất do bà Đ đứng tên quyền sử dụng đất nhưng vẫn sang, vì cụ T8 cho rằng, mặc dù bà Đ đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng đất là của cụ T8. Nay hai ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lý Chí H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ. Ông xác định, di chúc do cụ T8 lập là không hợp lệ, vì lúc này cụ T8 đã già, không còn minh mẫn. Đất là của ông K1 để lại cho bà Đ, nên cụ T8 không có quyền làm di chúc. Nay ông yêu cầu ông P, bà D1, ông K, ông L trả lại toàn bộ đất cho ông sử dụng. Nếu bà B, bà B1 được chia thừa kế đất thì ông đồng ý nhận đất và hoàn giá trị đất của bà B, bà B1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lý Thị D1 và người đại diện theo ủy quyền của Bà D1 là ông Lý Văn P trình bày: Bà D1 yêu cầu chia thừa kế phần đất giáp ranh với ông Lý Văn P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lý Thị Y trình bày: Phần đất tranh chấp là của cha mẹ bà (cụ B3 và cụ T8). Bà không yêu cầu chia thừa kế phần đất của cụ T8 để lại. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà. Cha mẹ của bà có 10 người con: Ông Lý Văn K3 (đã chết), bà Lý Thị N6, bà Lý Kim E, bà là Lý Thị Y, bà Lý Thị T11 (Lý Thị C2), bà Lý Thị H9 (Lý Thị T2), ông Lý Văn K1 (đã chết), bà Lý Thị T12 (đã chết), bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn M2 trình bày: Cha ông là ông Lý Văn K3 có vợ là Trần Thị H4 và 8 người con: Bà Lý Thị M1, ông Lý Chí L, bà Lý Thị L5, bà Lý Thị G, ông Lý Văn K, ông Lý Văn S, bà Lý Thị N3 (G), ông là Lý Văn M2. Ông không yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị M1, bà Lý Thị G, ông Lý Văn S, bà Lý Thị N3: Thống nhất không yêu cầu chia thừa kế. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị T2, bà Lý Thị T3 thống nhất trình bày: Các bà thống nhất theo lời trình bày của ông P, bà D1, không đồng ý việc bà Đ yêu cầu ông L, ông K trả lại 05 công đất mà yêu cầu giữ lại 05 công đất cho ông L, ông K tiếp tục sử dụng. Hai bà không yêu cầu chia thừa kế. Yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị B2 trình bày: Trước đây, bà có cho ông K1, bà Đ vay 7 chỉ vàng 24k. Nay, ông K1, bà Đ chết, bà không yêu cầu những người thừa kế của ông K1, bà Đ trả số vàng trên. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh P2 trình bày: Trước đây, ông có cho ông K1, bà Đ vay 2,8 lượng vàng 24k. Ông yêu cầu những người thừa kế của ông K1, bà Đ trả số vàng trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Hồng T6 trình bày: Ông K1, bà Đ còn nợ ông 5 chỉ vàng 24k. Nay, ông K1, bà Đ chết, ông không yêu cầu những người thừa kế của ông K1, bà Đ trả số vàng trên. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa, nghĩa vụ liên quan, bà Hoàng Thúy O, bà Hoàng Thúy D5 trình bày: Hai bà là con gái của bà Lý Kim T13, bà T13 đã chết. Cha bà là ông Hoàng T7. Ông T7, bà T13 có 4 người con gồm: Ông Hoàng

Quốc Q, bà Hoàng Thúy D5, bà Hoàng Thúy O và bà Hoàng Thúy H5. Hai bà không yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Hoàng T7, ông Hoàng Quốc Q, bà Hoàng Thúy H5 trình bày:* Các ông bà không có yêu cầu chia thừa kế. Các ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị B, bà Lý Thị B, ông Trần Hưng Ô trình bày:* Bà B, bà B1 yêu cầu được chia thừa kế mỗi người phần đất có diện tích 1.944m^2 nhưng nhận giá trị đất số tiền 150.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phan Thị Thu H7 trình bày:* Con của bà H6 có ông Lý Văn P, bà Lý Thị D1 và Bà. Bà không tham gia tố tụng trong vụ án. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Chí L4, bà Châu Thị T4 trình bày:* Vào đầu năm 2000, ông K1, bà Đ có mượn của ông bà 27 chỉ vàng 24k và 100 giạ lúa (trị giá 20 giạ lúa hiện nay 20.000.000 đồng). Nay, yêu cầu những người thừa kế của ông K1, bà Đ Thanh toán 27 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng. Ông bà yêu cầu vắng mặt khi giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 26/6/2019 trình bày*:

Bà Đ có vay và thế chấp tài sản cho Ngân hàng, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn và thế chấp tài sản số 615/2001/NHĐT-HĐTD ngày 19/10/2001. Số tiền vay 27.000.000 đồng, tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp theo Quyết định số 1320/QĐ-UB ngày 17/10/2001 cho bà Đ diện tích 27.230m^2.

+ Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn và thế chấp tài sản số 657/2001/NHĐT-HĐTD ngày 25/10/2001. Số tiền vay 6.000.000 đồng, tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp theo Quyết định số 1319/QĐ-UB ngày 17/10/2001 cho ông P diện tích 6.426m^2.

Dư nợ tính đến hết ngày 23/6/2019 là: 123.549.825 đồng. Trong đó, nợ gốc 33.000.000 đồng và nợ lãi 90.549.825 đồng.

Yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đ trả số tiền vốn, lãi đến hết ngày 23/6/2019 với số tiền 123.549.825 đồng và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ.

Trường hợp, bà Đ không trả nợ cho Ngân hàng yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản để đảm bảo thi hành Thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu người thừa kế của bà Đ Thanh toán tiền đến hết ngày 11/9/2024 số tiền 153.426.375 đồng và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ, cụ thể:

+ Hợp tín dụng số 615/100/NHĐT-HĐTN ngày 19/10/2001 số tiền vốn 27.000.000 đồng và lãi 98.104.725 đồng.

+ Hợp tín dụng số 657/100/NHĐT-HĐTN ngày 25/10/2001 số tiền vốn 6.000.000 đồng và lãi 22.321.650 đồng.

Trường hợp, bà Đ không trả nợ, yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản để đảm bảo thi hành Thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Ngọc Đ về việc kiện đòi ông Lý Chí L trả phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 1 diện tích 2.520,8m^2 và kiện đòi ông Lý Văn K trả phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 9 diện tích 787,9m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Châu Ngọc Đ kiện đòi ông Lý Văn P trả phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 4, 6 diện tích 252,4m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lý Chí H nhận phần đất chia thừa kế cho bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1. Ông H hoàn giá trị đất cho bà B, bà B1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn P về việc chia thừa kế phần đất diện tích 7.986m^2. Ông Lý Văn P được chia phần đất diện tích 7.986m^2, có vị trí tứ cận:

Hướng bắc: cạnh M3bM4M5 dài 29,08m;

Hướng nam: cạnh M12M13M7M6 dài 29,31m;

Hướng tây: cạnh M3bM11M12 dài 292,27m;

Hướng đông: cạnh M5M6 dài 296,72m.

Buộc ông Lý Chí H, bà Ngô Kiều N5 giao cho ông Lý Văn P phần đất diện tích 881,9m^2 tại thửa số 14 (tại các điểm M3bM11M10M4).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị D1 về việc chia thừa kế phần đất diện tích 7.986m^2. Bà Lý Thị D1 được chia phần đất diện tích 7.986m^2, có vị trí tứ cận:

Hướng bắc: cạnh M3aM3b dài 35,17m;

Hướng nam: cạnh M16M11 dài 32,24m;

Hướng tây: cạnh M3aM17cM16 dài 238,35m;

Hướng đông: cạnh M3bM11 dài 237,75m.

Buộc ông Lý Chí H, bà Ngô Kiều N5 giao cho bà Lý Thị Diễm P4 đất diện tích 7.986m^2 tại thửa số 13 (tại các điểm M3aM16M11M3b).

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị B về việc nhận giá trị kỷ phần thừa kế. Ông Lý Chí H trả cho bà Lý Thị B số tiền 79.550.000 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị B1 về việc nhận giá trị kỷ phần thừa kế. Ông Lý Chí H trả cho bà Lý Thị B số tiền 79.550.000 đồng.

Ông Lý Chí H được nhận phần đất có diện tích 3.182m^2 từ kỷ phần thừa kế của bà Lý Thị B và bà Lý Thị B1, có vị trí tứ cận:

Hướng bắc: cạnh M17bM17c dài 15,67m;

Hướng nam: cạnh M17aM17M15 dài 15m;

Hướng tây: cạnh M17bM17a dài 185,06m;

Hướng đông: cạnh M17cM16M15 dài 185,17m.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Chí L4, bà Châu Thị T4.

Ông Lý Chí H, ông Lý Văn P, bà Lý Thị D1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hồ Chí L4, bà Châu Thị T4 27 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng (mỗi người Bàu 1/3 của số vàng và tiền trên).

7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Lý Chí H, bà Lý Như H1 phải Thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 153.426.375 đồng.

Kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong bản án, bên phải thi hành án còn phải Bàu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn và thế chấp tài sản số 615/2001/NHĐT-HĐTD ngày 19 tháng 10 năm 2001 và Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn và thế chấp tài sản số 657/2001/NHĐT-HĐTD ngày 25 tháng 10 năm 2001.

Trong trường hợp, ông Lý Chí H, bà Lý Như H1 không thanh toán xong cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ các khoản nợ trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp theo Quyết định số 1320/QĐ-UB ngày 17/10/2001 cho bà Châu Ngọc Đ diện tích 27.230m^2 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp theo Quyết định số 1319/QĐ-UB ngày 17/10/2001 cho ông Lý Văn P diện tích 6.426m^2.

Ngoài ra, bản án còn quy định về chi phí tố tụng và án phí dân quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 23/9/2024 bị đơn ông Lý Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 25/9/2024 người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Lý Chí H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Nguồn

gốc phần đất tranh chấp của cụ B6 và cụ T8. Ông K1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần đất tranh chấp được xác định là tài sản của ông K1. Ông K1 chết tháng 9/2000, tài sản chia thừa kế là phần đất có diện tích hơn 35.000m^2. Bà D1 và ông P là con riêng của ông K1, bà H1 là con riêng của bà Đ nhưng giấy khai sinh thể hiện con của ông K1 và bà Đ. Như vậy, di sản thừa kế được chia thành 05 phần, bản án phân chia thừa kế thành 04 phần là không đúng. Trong các phần đất có 03 ngôi mộ không có đường đi vào, đề nghị chừa đường vào ngôi mộ và di sản thừa kế để lại phần thờ cúng nhưng bản án sơ thẩm không xem xét. Ngoài ra, trước khi chia di sản thừa kế của ông K1 thì phải giải quyết đối với số nợ của ông K1, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem lại phần nợ. Những người được nhận tài sản thừa kế phải trả khoản nợ của ông K1 để lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Lý Văn P trình bày ý kiến tranh luận: Cụ T8 (bà nội ông P) có cho ông 05 công đất để sinh sống. Về phần nợ của ông K1 là chị em ông không biết do không nghe ông K1 nói. Nếu có nợ thì yêu cầu bà Đ trả, ông không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D1 đồng ý với nội dung trình bày của ông P, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị B và bà Lý Thị B1 (có ông Trần Hưng A1 là đại diện theo ủy quyền) trình bày: Bà B và bà B1 yêu cầu được nhận chia thừa kế bằng hiện vật, không đồng ý nhận giá trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của các đương sự thấy rằng phần đất tranh chấp thực tế đo đạc là 31.945m^2 do bà Đ và ông K1 đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi ông K1 chết ngày 25/9/2000 bà Đ từ ý làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà Đ và ông P, đối chiếu quy định là việc cấp đất cho bà Đ và ông P là không đúng quy định pháp luật. Việc chia thừa kế đối với di sản của ông K1 là đúng quy định pháp luật nhưng ông K1 sống chung với bà Đ, Toà sơ thẩm không xem xét quyền lợi của bà Đ khi chia thừa kế là thiếu sót. Về khoản nợ 27 chỉ vàng của ông K1, bà Đ, nhưng ông L4, bà T4 không cung cấp chứng cứ gì về khoản nợ này. Ông P, bà D1 không thừa nhận 27 chỉ vàng là nợ chung của bà Đ và ông K1, nhưng chỉ buộc ông P, bà D1 trả nợ mà không buộc bà Đ là không đúng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm tài sản giao cho Ngân hàng kê biên trong vụ án này là không thể thi hành. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo nguyên đơn bà Châu Ngọc Đ trình bày: Phần đất có diện tích 35.450m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc của cụ Lý Văn B3 (chết năm 1980) và cụ Nguyễn Thị T8 (chết năm 2008). Năm 1989 bà Châu Ngọc Đ chung sống với ông Lý Văn K1, không có đăng ký kết hôn. Năm 1994 ông K1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Năm 2000 ông K1 chết. Năm 2001 ông Lý Văn P (con của ông K1) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 6.426m^2. Phần diện tích còn lại 27.230m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ ngày 17/10/2001. Từ năm 2006 đến 2007, bà Đ bị bắt tạm giam trong vụ án hình sự. Trong thời gian này, phần đất được giao cho vợ chồng ông Lê Hoàng D3, bà Lê Như H10 (con riêng của bà Đ) quản lý sử dụng; Ngày 19/02/2007 ông D3, bà H10 cho ông P, bà D1 thuê lại toàn bộ quyền sử dụng đất trên; Cụ T8 chuyển nhượng một phần đất bằng giấy tay cho ông Lý Văn K và ông Lý Chí L. Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu ông L, ông K, ông P trả lại phần đất mà các đương sự đang quản lý, sử dụng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Đ ngày 17/10/2001.

[2] Bị đơn ông Lý Văn P thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, ông P cho rằng mặc dù ông K1 đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng cụ T8 là có quyền định đoạt. Ngày 25/10/2006 cụ T8 đã lập di chúc để lại toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho ông P và bà D1 (con riêng của ông K1), nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, ông P có yêu cầu phản tố đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đ và chia thừa kế theo di chúc của cụ T8.

[3] Bị đơn ông Lý Văn K và ông Lý Chí L trình bày có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay từ cụ T8. Khi nhận chuyển nhượng, đương sự biết quyền sử dụng phần đất trên là do bà Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay bị đơn đã xây dựng nhà trên đất nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm tố tụng như sau:

- Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn thì trong vụ án không có yêu cầu về việc chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn K5. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông K5 là vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự. Mặt khác, theo lời trình bày của bà Đ và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Đ và ông K5 có nhiều khoản nợ, trong đó có khoản nợ đã được Tòa án xét xử nhưng chưa được thi hành án xong. Tòa án cấp sơ thẩm không ưu tiên thanh toán các khoản nợ của ông K5 (đã có kết quả giải quyết của Tòa án và quyết định thi hành án) trước khi thực hiện phân chia thừa kế là không đúng quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông P trình bày ngày 25/10/2006, cụ T8 có nhờ ông Nguyễn Thành K4 viết tờ di chúc với nội dung: "*Vì trước đây, vợ chồng tôi có đất là 35.450m^2, con*

tôi là Lý Văn K1 đứng tên quyền sử dụng đất năm 1994. Nay tôi không thể sống với dấu tôi là Châu Ngọc Đ được nữa, nên tôi phân chia số đất này để cháu nội tôi là Lý Văn P, Lý Thị D1 (là con trước của Lý Văn K1) để các cháu tôi có đất nuôi dưỡng tôi từ nay cho đến khi tôi qua đời", và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ, nhận định xem xét hiệu lực của của tờ di chúc ngày 25/10/2006, nhưng đã chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ T8 là chưa đủ căn cứ. Mặt khác, tại mục [8] bản án sơ thẩm nhận định: "*Những người con khác của cụ T8 không yêu cầu chia thừa kế nên bà B, bà B1 mỗi người được chia diện tích 1.591m*^{2}", theo đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ T8 chỉ có 02 người là bà B, bà B1 là không chính xác, vì ông P và bà D1 (người thừa kế của ông K1) đang có yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ T8.

- Theo nhận định của bản án sơ thẩm thì bà Đ không được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đ là không phù hợp với nhận định, không giải quyết triệt để vụ án và gây khó khăn cho việc thi hành án, bởi:

+ Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc buộc ông L, ông K trả lại quyền sử dụng đất; đồng thời phân chia cho những người thừa kế theo pháp luật của ông K1 được nhận thừa kế bằng hiện vật và các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ, ông P đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Đ2. Mặt khác, hiện nay bà Đ đã chết nên phát sinh quyền thừa kế của ông H và bà H10 đối với quyền sử dụng đất đã được cấp cho bà Đ (do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ không bị hủy bỏ).

+ Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do Ngân hàng là người thứ ba ngay tình nên Hợp đồng thế chấp đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đ và ông P được công nhận hiệu lực pháp luật. Vậy, trong trường hợp ông H và bà H10 (người thừa kế của bà Đ) không trả được nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì căn cứ vào Hợp đồng thế chấp Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp. Tuy nhiên, bà Đ không được công nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên và phần đất tranh chấp do bà Đ, ông P, bà D1, ông L, ông K quản lý sử dụng, nên việc Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là không đảm bảo quy định pháp luật.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, mà cấp phúc thẩm không thể nào khắc phục được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của đương sự; Hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

[6] Bản án sơ thẩm bị hủy do vi phạm tố tụng nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến nội dung vụ án.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lý Chí H, ông Lý Văn P và bà Lý Thị D1;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lý Chí H, ông Lý Văn P và bà Lý Thị D1 không phải chịu, hoàn trả mỗi đương sự 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000237 ngày 25/9/2024; các biên lai thu số 0000238, 0000239 cùng ngày 26/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- NĐ (1);
- BĐ (3);
- NLQ (41);
- Lưu (5) 55b (Án NThuy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên